

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI
KHOA VIẾT VĂN - BÁO CHÍ

Tác Phẩm Tốt Nghiệp

Sinh viên bảo vệ: **PHẠM THANH THÚY**
Khóa K12(2009-2013)

HÀ NỘI- 2013

NGÀY CỦA GIÓ

Truyện ngắn của PHẠM THANH THUY

Một buổi sáng, còn chưa ngủ dậy, tôi đã nghe gió thổi ào ào ngoài cửa sổ. Có lẽ vì có gió nên không gian trở nên lạnh lạnh, kéo giấc ngủ sâu hơn. Gió vẫn thổi còn cào như thúc giục, lại như mời gọi. Chợt nhớ sáng phải đưa bố đến thăm người bạn thân của ông, tôi trở dậy, mở toang cửa sổ. Như chỉ chờ có thế, gió ào vào phòng, chạm vào tất cả mọi thứ. Sao hôm nay gió lớn vậy trời!

Tôi bước xuống nhà, đã thấy bố đang ngồi nhìn đăm đăm ra ngoài sân. Sân ngập tràn gió và lá vàng của cây dâu da xoan lớn cuộn thành đống ở góc sân. Lá vàng rụng nhiều nghĩa là thu đã đến. Mùa thu đã đến rồi sao? Lại một mùa thu nữa đến rồi sao?

“Bố! Hôm nay nhiều gió quá bố nhỉ?”

“Ừ. Hôm nay không đến nhà bác Mậu nữa. Ta ra đồng đi.”

“Ồ, ngoài đồng gió to lắm bố ạ. Bố đang yếu mà.”

“Không sao, ra đồng câu con cá nấu canh chua. Câu cho vui ấy mà.”

Nhớ lời dặn của bác sĩ “Bố cháu muốn gì thì cố chiều lòng”, tôi khịt khịt mũi, cố xua đi những giọt nước mắt đang sắp sửa trào ra, rồi lúi húi chọn cho bố bộ quần áo nào đó có thể giảm bớt cái lạnh của ngày gió lớn. Mẹ tôi xuýt xoa:

“Gió to thế này, hay là ông quàng thêm cái khăn này vào cho ấm.”

“Ồ hay, cái bà này. Trời hôm nay dự báo nóng ba mươi độ mà bà bắt tôi quàng khăn.”

“Nhưng ngoài đồng gió to lắm. Nhỡ sao thì...”

Bố mỉm cười, tỏ vẻ cảm thông cho nỗi lo lắng của người bạn đời đã bao năm chung sống:

“Được rồi, bà đưa đây nào.”

Tôi chờ bố ra cánh đồng. Vừa qua con lũ, những ruộng lúa đã mượt xanh trở lại, sắp trở đồng. Giữa cánh đồng là ao cá hơn chục mẫu của bác tôi. Mặt ao đang nổi sóng, sóng vỗ bờ oàm oạp. Bác lật đật chạy ra đỡ lấy bàn tay gầy yếu của bố tôi mà xuýt xoa:

“Chết chết, gió to thế này cậu ra đây làm gì?”

“Em ra xin chị con cá.”

“Cậu muốn, tôi đem vào cho cậu chứ ra đây làm gì?”

Tôi đứng trên chiếc cầu tre nhỏ bắc từ bờ ra chòi trông cá giữa ao, nghe bác tâm tình với người em trai đau yếu. Bác rày la vậy thôi chứ bác biết bố tôi nhớ gió, nhớ tiếng sóng vỗ vào bờ cỏ, nhớ cái thềm thang của đất trời.

...Nồi canh cá dọn ngay trên chiếc lều ven bờ ao. Bố quay sang tôi cười tủm tỉm:

“Ly rót cho bố chén rượu đi!”

Tôi hơi nhăn mặt tỏ vẻ không đồng tình.

“Bố còn sống được bao lâu nữa. Mày tiếc gì bố chén rượu.”

Tôi nhìn sang bác, thấy mắt bác đã rơm rớm nước:

“Cậu có chết cũng không bỏ được rượu.”

Rồi như không thể kìm lòng hơn nữa, bác khóc tu tu. Bố đỡ chén rượu từ tay tôi rồi thủng thẳng :

“Nhân sinh tự cổ thùy vô tử. Chị buồn làm gì. Ly, con cũng uống một chén đi.”

Tôi rót cho mình một chén, cho bác một chén, rồi cụng. Rượu cay nồng trong miệng, sống mũi tôi cũng cay xè. Tôi chống chế :

“Rượu nặng quá bố ạ.”

Bố lại cười tủm tỉm. Mắt lại nhìn xa xăm...

Tôi biết uống rượu từ đã lâu rồi, từ khi tôi hai mươi tuổi, nhưng ngụm rượu đầu tiên tôi uống chính là bố đã dạy. Thực ra hôm đó bố say rượu, bảo tôi và em trai tôi uống. Sợ bố giận, hai chị em nhắm mắt uống vào trong miệng thứ nước trắng cay nồng. Vì chuyện đó mà mẹ tôi giận bố cả tháng trời. Tôi không giận. Dù sao chỉ có lúc bố say mới dãn dần như vậy. Cũng may, tâm hồn tôi mạnh mẽ, chẳng dễ gì bị tổn thương. Tôi lại luôn biết tìm cách cảm thông cho những việc làm của người khác.

Tôi nhớ lần đầu tiên cắt tóc con trai, mặc quần áo giống con trai, lần đầu uống rượu cùng các bạn, không có kinh nghiệm, say lử đử... Tất cả những lần đầu tiên ấy tôi đều ngỡ sẽ bị bố đánh đòn, hay chửi cho một trận. Hoá ra lại không phải. Bố chẳng đánh mắng, chỉ cười như ngầm đưa ra một thông điệp “Con cứ làm những gì con muốn.” Mẹ tôi thì phản đối quyết liệt. Mẹ bảo tôi sinh ra là con gái sao không cam lòng, cứ muốn là con trai làm gì. Và dù tôi có mặc quần áo của em trai, đi đôi sandal to oành như cái thuyền, tóc ngắn tun hũn, thì tôi cũng đâu thể là một đứa con trai...

Nhưng dù cho mẹ có mắng mỏ, tôi cũng vẫn cứ là đứa ầm ương như tôi muốn. Mẹ lại quay sang bố:

“Ông không sợ nó hư à?”

Bố lại chỉ cười, nửa đùa nửa thật: “Hư làm sao được mà hư. Bà đẻ nó ra mà không biết à, có đánh chết nó cũng không hư, mai này biết yêu, lại chẳng điệu bằng mấy.”

Có lẽ bởi sự dung túng của bố mà tôi đã gặp Mắt Lạnh, để tôi trở thành một cô gái khác hẳn với cả nửa nghìn nữ công nhân ở xưởng may dù tôi không hề xinh đẹp. Hôm đá cầu cùng tôi ở sân phân xưởng, anh nhìn tôi chung hững:

“Ồ! Con gái hả?”

... Và yêu anh. Và được anh yêu.

Nhưng dù tôi có cố làm ra vẻ bề ngoài là một đứa con gái ầm ương, cá tính, có tham vọng trở thành một chàng trai, thì trái tim tôi vẫn đập nhịp đập của trái tim con gái. Tôi và Mắt Lạnh yêu nhau suốt hai năm trời, cũng hò hẹn, cũng giận hờn, cũng cùng dạo bước dưới trăng sao, nhưng chưa bao giờ Mắt Lạnh hôn tôi. Mỗi tôi, đôi môi thanh xuân tươi trẻ chưa một lần hôn ấy cũng khao khát biết bao nụ hôn đầu đời. Nhưng vì sao anh không hôn tôi? Vì sao? Vì sao anh không nhận ra, mỗi lần gặp anh, môi tôi cũng hồng tươi sức sống, vì nắng, vì gió, vì cả thói Lipice màu nhiệm. Mỗi lần chúng tôi đối diện nhau, khi hai ánh mắt hoà tan trong nhau, tôi đã thầm nói, rồi như muốn gào lên “Hãy hôn em đi! Hãy hôn em...”

Nhưng không...

Lũ con gái trong xưởng coi anh là thần tượng, là hoàng tử lạc lối vào vương quốc những thiếu nữ đồng trinh. Vì thế, chúng chẳng mặn mà gì với tôi. Một dạo chúng nó kháo nhau:

“Anh Vũ yêu cái Ly có khác gì yêu một thằng em trai. Nó như đàn ông thế ai mà chịu được.”

Tôi về, nằm khóc trên gác trọ. Hoá ra tôi là một đứa con trai trong mắt mọi người. Cơ mà tại tôi tự rũ bỏ đứa con gái trong mình đấy chứ. Lĩnh lương, tôi khuân về mấy cái áo chiết ly và rộng cổ. Tháng đó tôi không cắt tóc, bỏ đôi giày thể thao vào một xó, tôi đi giày cao gót đến xưởng. Mắt Lạnh nhìn tôi kinh ngạc:

“Em sao vậy? Sao em lại như thế?”

“Anh không thích em nữ tính sao?”

Mắt Lạnh ngập ngừng: “Không phải... nhưng em thay đổi thế, có khác gì hàng trăm người khác. Anh làm sao tìm được em nếu em lẫn vào họ...”

Anh làm sao thế? Rút cuộc là anh làm sao thế? Tôi đã muốn gào lên với anh như thế. Tôi cũng muốn khóc, mà tôi lại không khóc.

Khi tôi trở lại là một cô gái như tôi sinh ra vốn thế, thì Mắt Lạnh bị bắt giam vì tội gì đó. Hoá ra Mắt Lạnh từng là kẻ đi đòi nợ thuê, từng là tội phạm? Một chàng công nhân sửa máy khâu trong xưởng may chỉ là cái vỏ

bọc che giấu những “muru đồ”? Anh hư hỏng, anh nông cuồng. Ừ, thì cứ cho là như thế, nhưng sao anh lại buông tha tôi?

“Anh có yêu em không?”

Mắt Lạnh quay đi, tránh cái nhìn đầy tuyệt vọng của tôi.

“Ly, anh xin lỗi. Anh rất quý em, nhưng...”

“Vì sao anh lại không yêu em? Vì sao?”

“Vì em là một cô gái ngoan.”

Ồ hay! Sao người đời lại lạ vậy kia? Có tin được không nhỉ? Một cô gái bị từ chối tình yêu chỉ vì cô ấy không hư.

“Nếu em là một đứa con gái hư thì anh có yêu em không?”

“Ly ạ, em quên anh đi. Hãy tìm một người ngoan như em mà yêu.”

Hôm đó trời cũng rất nhiều gió. Hôm đó cũng là một ngày chớm thu.

Tôi biết uống rượu thực sự từ khi đó. Thú thực là tôi đã rất muốn mình hư hỏng, đua đòi, biết rượu chè, cờ bạc, biết mặc những thứ quần áo mà những đứa con gái ngoan không bao giờ dám chạm tới. Bố mẹ nhận ra tất cả bằng linh cảm thiên phú của đáng sinh thành, và chắc bố mẹ sẽ cười ngất mặt nếu biết tôi thất tình chỉ vì ngoan ngoãn sáng trong, vẻ bề ngoài chưa thể nói lên bản chất. Bố nói đúng, cuối cùng thì tôi cũng không trở thành một cô gái hư, không dám hư. Tôi vẫn ngày ngày đi làm sau khi đã chải mái tóc dài mượt, mặc những bộ quần áo dịu dàng, nữ tính. Tôi chỉ biết uống rượu thôi, nhưng cũng không bao giờ dám uống say đến không biết trời biết đất.

Năm tháng cứ đi qua, nhưng hình như tôi luôn nhớ về Mắt Lạnh. Một lần bố bảo tôi: “Mối tình đầu đẹp, nhưng cũng dễ đi qua, như ngày xưa ấy. Ngày xưa bố cũng yêu một người, không hiểu sao lại tan vỡ. Bố lại gặp vài người nữa cho đến một hôm mẹ con tay xách hai cái thùng đi lấy nước, nhảy chân sáo xuống các bậc thềm và hát vang: “Em ơi vút lên một tiếng đàn...” thì bố ló đầu ra khỏi phòng và tự hỏi ai thế nhỉ, ai mà xinh xắn và có giọng hát trong trẻo thế kia? Và thế là yêu nhau, và ăn đời ở kiếp. Chỉ tiếc là bố không cùng mẹ con sống được đến khi cùng đầu bạc răng long”

Bố bị ung thư phổi, rồi lại đau gan, đau dạ dày... Tất cả những căn bệnh như chỉ chờ cùng lúc tấn công khi cơ thể suy yếu. Bác sĩ ái ngại hỏi:

“Trước đây bác có chiến đấu ở vùng nhiễm chất độc da cam không?”

Bố thở dài:

“Có hành quân qua.”

Bác sĩ lại hỏi: “Sao bác không làm hồ sơ xin hưởng chế độ?”

Có chứ sao không? Bố có làm hồ sơ, mà làm đi làm lại, làm tái làm hồi, nhưng người ta cứ lắc đầu quầy quậy bảo “Bác thiếu cái này”, “bác thiếu thứ kia”. Mà tất cả những năm tháng chiến đấu người lính chỉ được

công nhận trong những tờ giấy nhỏ, toan hoản như bàn tay đứa trẻ lên ba, đã úa màu theo năm tháng. Chỉ một lần bị tên bắt lương móc trộm cả tiền lẫn giấy tờ trên xe đồ. Thế là mất tất cả, quá khứ, chiến công, hy sinh. Tất cả như biến vào sương mù. Không ít người ngửa miệng kháo nhau: Có da cam da kiếc gì đâu. Mấy đứa con, đứa nào cũng hồng hào, lành lặn, đẹp đẽ, dị tật gì đâu. Chẳng qua là chạy giấy tờ để hưởng chế độ...

Bố không phải là không nghe thấy, nhưng bố cũng chẳng buồn. Mỗi lần tôi đem giấy tờ chạy lên chạy xuống Phòng thương binh xã hội, bố lại động viên:

“Thôi, con cứ làm đi, được thì được chả được thì thôi. Dù sao bố cũng đã sống gần hết đời người rồi, đắng cay ngọt bùi trên đời từng nếm trải. Bố chẳng tiếc gì, chỉ thương con vẫn lận đận tình duyên. Con gái mà mạnh mẽ quá cũng không tốt.”

...Bố chẳng hi vọng gì ở sự bù đắp mong manh mà cái chất độc da cam thấm khốc năm nào đã gieo xuống từng tấc đất, từng khe nước của Trường Sơn hùng vĩ. Mà suy cho cùng, có sự bù đắp nào cho vơi được những mất mát cơ chứ? Mẹ tôi khóc quá trời, bố tôi an ủi:

“Bà đừng sợ, tôi không bị da cam đâu, già rồi sinh bệnh đấy chứ!”

Bố vẫn đòi uống rượu. Bố bảo cả cuộc đời bố chẳng làm gì xấu, chưa từng cờ bạc, gái gú, chưa từng buôn gian bán lận, lừa dối ai. Chỉ duy có rượu là không bỏ được. Rượu như ngấm vào máu thịt, cứ như không có nó bố không thể duy trì sự sống. Tôi cũng thường hay ngồi tiếp rượu bố vào những khi cả hai bố con đều có nhiều tâm sự trong lòng. Một hôm bố hỏi tôi:

“Giả sử bây giờ thằng Vũ quay lại tìm con, con có tha thứ cho nó không?”

“Bố à, chuyện cũ đã qua lâu rồi, con không còn nhớ nữa. Tha thứ hay không liệu có ích gì đâu ạ”.

Phải rồi, tôi không còn nhớ về Mắt Lạnh dù tôi đã từng yêu anh. Mỗi tình đầu đã đi qua tám năm rồi. Tôi đã yêu người khác. Người ấy đã hôn tôi. Tôi không còn khao khát nụ hôn như ngày xưa tôi đã từng khao khát, mà nhiều khi nụ hôn còn làm tôi cảm thấy chán ngắt, vô cảm...Nhưng mà có thật tôi đã quên anh không nhỉ khi mà mỗi lúc nhớ đến anh, lòng tôi chỉ một nỗi buồn tê tái? Đến khi tôi xem phim FanFan, tôi mới biết vì sao Mắt Lạnh không bao giờ hôn tôi. Có phải anh đã nghĩ như Alexander “Chỉ yêu ở trong tim, không có nụ hôn, không va chạm. Vì như thế, tình yêu mới là vĩnh viễn. Tại sao khi yêu người ta cứ phải hôn nhau, để rồi tất cả lại kết thúc như bao cuộc tình khác?”

Tôi không phải là Fan Fan và anh cũng không phải Alexander, vậy tại sao anh lại làm như thế?

Tôi đã khóc, nước mắt của tôi mãi sau nhiều năm mới tuôn chảy, kể từ khi tôi nhận được bức thư mà Mắt Lạnh viết khi còn ở trong tù:

“Ly ời! Em tin không, em là cô gái duy nhất trên đời anh không thể làm tổn thương. Bởi vì anh yêu em hơn tất cả...”

Ngày ấy sao tôi lại không tin anh nhỉ? Sao tôi lại không khóc, và vì sao tôi lại đốt bức thư ấy đi, để nó trở nên một nhúm tro tàn? Đến khi tôi có thể khóc, đến khi tôi muốn nhào đến ôm lấy anh và hôn anh, nụ hôn đầu đời...nhưng đã muộn mất rồi. Tôi đã hôn người khác. Tôi đã nhận nụ hôn chẳng thiêng liêng, chẳng ngọt ngào thì vị như tôi đã từng tưởng tượng. Bao nhiêu năm qua, tôi cũng từng nghe nói về Mắt Lạnh. Nghe nói anh đã ra tù, rồi lại vào tù, rồi lại ra tù. Bây giờ anh đang ở nơi đâu, tôi đã chờ đợi anh mà sao anh không quay trở lại?

Bố tôi mất vào một ngày lặng gió. Gió đã biến đi như thể chúng đã thổi hết mình cho một ngày đã qua. Tôi không khóc được nhiều, trước mặt thiên hạ tôi không thể gào lên, lăn lộn, vật vã như bao đám ma khác. Người ta chạy đến gào vào mặt tôi: “Em gọi bố em đi! Gọi bố em đi!” Nhưng tôi không gào lên được. Nước mắt đã chảy sâu vào trong tim. Tôi lặng ngắm gương mặt bố tôi lần cuối cùng. Gương mặt bố nhân hậu biết bao.

“Bố ạ, con gái của bố rất can đảm và mạnh mẽ phải không bố?”

Đêm ấy trời đầy sao. Cả một bầu trời sao cùng lấp lánh, lấp lánh...Có lẽ linh hồn của bố tôi đã là một trong vô vàn những vì sao ấy. Đêm nay sao nháy, ngày mai trời trở gió. ..

Sẽ lại có một ngày gió lồng lộng thổi.

PHẤN HOA VÀNG

Trong lúc một thằng nhóc mặt mũi đỏ phừng phừng lao như tên bắn vào trong đôi cây, miệng hét inh ỏi:

- Anh Ba ời anh Ba...a...a .Có...có chuyện rồi ...ời ...ời...(Tiếng nó lạnh lạnh dội vào từng thân cây, từng phiến lá, từng khoảng không, nghe đầy nghiêm trọng)... thì lũ trẻ trâu bạn nó đang mê mải chiêm ngưỡng “thành quả” mà chúng vừa tìm thấy.

“Thành quả” có lẽ chưa quen với ánh sáng chan hoà của mặt trời, hoặc quá ngạc nhiên vì có thật nhiều thứ tròn xoe và thăm thẳm đang đua nhau dội vào mặt mình, nên mắt “thành quả” cứ hấp háy, mặt “thành quả” nhăn nhó, khó chịu. “Thành quả” gồng

mình lên, định làm cái gì đó, nhưng vì không đủ sức, đành khua khoảng tứ chi vào không khí.

Bên trên “thành quả”, năm, sáu mái đầu bết mồ hôi và khét nắng vẫn chụm lại, xuýt xoa bình phẩm:

- Ngộ quá chúng mày ơi! Sao nó không chịu mở mắt nhỉ?

- Ngu thế! Nó chưa đến ngày mở mắt chứ sao...

Những chuỗi cười ré lên rồi lại những khoảng thì thảo, im lặng...cho đến khi Ba – nhân vật “quan trọng”, chủ nhân của nơi tìm thấy “thành quả” xuất hiện với vẻ mặt đầy hoảng hốt.

- Cái gì thế? Cái gì thế?...Xê ra xem nào...

Ba thở dốc, phần vì mệt lử vì phải chạy theo đứa trẻ báo tin suốt một chặng dài, phần vì kinh ngạc. Trước mặt anh, trên nền cỏ dưới gốc một cây hoàng đàn sát mép nước, trong cái “gói vải” màu đỏ choé, một đứa trẻ sơ sinh đang khua khắng hai bàn tay nhỏ xíu vào không khí.

Tin đứa trẻ bị bỏ rơi trong chòi câu cá nhà anh Ba lập tức được truyền đi khắp thôn trên xóm dưới, qua cả trường học cách đó hai cây số nên cô giáo Thuý Anh sau giờ giảng cuối ngày cũng vội vã tìm đến khu đồi nhà anh Ba. Ở đó đã có rất nhiều người hiếu kì ra vào, bàn tán rôm rả. Bọn trẻ có công tìm thấy đứa trẻ thì thi nhau kể công. Một người đàn bà đang bế đứa trẻ, trước mặt mọi người, chẳng ngại ngần gì, vạch ti cho nó bú. Anh Ba thì ngồi trên cái ghế gỗ, mặt thần ra. Cô Thắm vợ anh thì bằng cái giọng the thé, kêu trời kêu đất “Ôi giờiooii...cái của nợ này nhờ nó mà chết ở đây thì có oan gia nhà tôi không cơ chứ...hừ hừ..”

Ai cũng từng nghe nói về những đứa trẻ bị bỏ rơi ở đâu đó, nhưng ở cái xứ thôn quê hẻo lánh này thì lại là chuyện trên trời dưới đất xưa nay hiếm. Cô giáo Thuý Anh là người ngoài thành phố về đây dạy học. Cô không những mang cả tuổi trẻ của cô, mà còn đem rất nhiều chuyện hay ho về trang trải cho những tâm hồn luôn khao khát được khám phá nơi đây, nhất là cái thôn nhỏ chỉ có hơn bảy chục nóc nhà này. Thế nên phương án: “Cứ lắng nó xuống hồ cho cá rĩa là sạch chuyện” của Thìn Gàn vừa tuột ra khỏi miệng, cô đã kêu lên

- Chết. Anh đừng nói thế mà phải tội.

Rồi cô quay về phía mọi người , giọng trầm buồn:

- Hồi em còn nhỏ, nhà em ở gần bệnh viện huyện. Hằng ngày người ta đến chữa bệnh và sinh đẻ đông lắm, và những trường hợp sinh con xong mang bỏ rơi là rất nhiều. Nhiều đến nỗi sau này chẳng còn ai ngạc nhiên vì tin có một đứa trẻ nào đó bị bỏ rơi nữa.

- Thế chúng nó bị mang đi đâu hả cô? - Một cụ già hỏi.

- Lúc đó cháu còn quá nhỏ, không biết người ta đã mang những đứa trẻ ấy đi đâu bà ạ... Có lẽ họ mang đến những trung tâm bảo trợ xã hội, những trại trẻ mồ côi...

- Vậy ư cô? Khổ thân chúng nó...

Bà cụ sụt sùi. Cô giáo Thuý Anh đón đứa trẻ từ tay người đàn bà vừa cho bú khi nãy... Ngắm nghía gương mặt no nê thiên thần của nó , cô tiếp tục kể, giọng đều đều như đếm:

- Nhưng cũng có nhiều đứa không được may mắn như vậy... Có đứa bé khi được tìm thấy , đã chết tím tái vì lạnh. Có đứa bé, người mẹ không hiểu vì sao lại nhẫn tâm đặt nó ngay mép rãnh nước, khi nó lạnh và đói, lẫn lộn, đã rơi xuống rãnh nước và chết sặc. Còn có một trường hợp thương tâm hơn... Một lần người ta tìm thấy một phần thi thể của một đứa trẻ sơ sinh bị bỏ rơi ngoài bãi cỏ sau bệnh viện... Về sau họ mới biết một con chó Becgiê sống xích, quen thói ăn tanh, đã xơi mất đứa trẻ.

Khi kể đến đó, giọng cô giáo run run, rồi mắt cô ngấn nước. Cô quay sang Thìn gàn, hẳn ta vẫn nhơn nhơn ngồi bắt chéo chân, cái cằm hếch lên và một tay thì mân mê cái sợi râu dài duy nhất mọc ra từ cái mụn thịt to như hạt ngô ở hàm bên phải, cứ như những trường hợp thương tâm cô giáo vừa kể chẳng bận tâm chi đến hẳn. Anh Ba bần thần ngồi đó, còn cô Thẩm thì có vẻ như đã bình tĩnh hơn sau một hồi rên rỉ.

Và dĩ nhiên, cuối cùng người ta vẫn bàn đến việc vì sao đứa trẻ lại bị bỏ rơi và vì sao nó lại bị bỏ rơi trong cái chòi câu cá bên hồ của nhà anh Ba, nơi nó ít có cơ hội được tìm thấy nhất. Và mẹ nó (hay kẻ nào đem nó đến bỏ ở đó) đã tính toán gần đúng cho cái chết của nó nếu bọn trẻ chăn trâu chiều đó không tình cờ chơi trong đồi cây

Người ta sắm soi cái vuông vải đỏ choé dùng để cuốn thằng bé xem có gì liên quan đến nhân thân của nó hay không, như một lời dặn dò, xin tha lỗi chẳng hạn. Nhưng chẳng có gì, đứa bé đến sạch bong, không có gì dính kèm ngoài cái vuông khăn đỏ choé...

- Hay...thằng cu này là con của hai đứa mất dạy đó?

Giả thiết của chú Tư béo đột nhiên khiến mọi người tròn xoe mắt. Mà ngay lập tức người ta nhớ đến cái chuyện lùm xùm trong căn chòi cá nhà anh Ba cách đó chưa lâu lắm...chừng tám chín tháng gì đó. Trời! Ngần đó thời gian cũng vừa đủ để một đứa bé tụ máu và chào đời với hình hài đầy đủ như vậy.

Chuyện này có lẽ phải kể lai rai một tí, phải lùì lại, lùì lại quãng thời gian trước đó lâu lâu một chút nữa...

Cái thằng bé đó vẫn còn tốt số chán, vì nếu kẻ đem nó bỏ đi có nhần tâm chút nữa, chắc chắn nó đã rơi xuống nước cho cá rửa. Mà cá dưới hồ, nghe đồn là vẫn còn tồn tại một loài cá rất to, đen xì, răng nhọn hoắt như răng linh cẩu. Loài cá có khả năng phi phàm là lặn sâu xuống đáy bùn, tránh được những cuộc truy sát của con người.

Chưa từng có ai trong vùng khẳng định đã tận mắt trong thấy con cá kinh khủng đó, nhưng nó lại tồn tại cùng với lịch sử của hồ nước. Cái hồ nước có từ lâu lắm, lâu lắm rồi. Từ trước khi cái đồi trơ trụi toàn sim, mua và cỏ rành rành bên hồ nước kia được phủ xanh bởi bạch đàn và hoàng đàn...hồ nước luôn xanh trong đầy bí ẩn. Quanh hồ cỏ và cây to mọc lùm xùm. Giữa hồ có một cái đảo nhỏ cỡ ngôi nhà hai gian chỉ xanh mướt cỏ và một cây to duy nhất chẳng bao giờ thấy có hoa. Cái đảo kì dị lúc ở chỗ này, khi ở chỗ kia trên hồ cứ như nó có chân và biết chạy vậy. Cá mú sinh sôi tự nhiên và cư dân quanh vùng cũng tự nhiên khai thác. Người lớn vẫn dọa bọn trẻ: Không được chơi trên hồ, có bọn cá răng nhọn và con thuồng luồng rất to chuyên tóm chân người rút xuống lòng hồ, chết mất tiêu, không tìm thấy xác. Về sau, khi có đôi ba lần người ta hò nhau tát cạn hồ, bọn trẻ mới biết vì sao cái đảo kì dị đó có thể di chuyển. Đơn giản, nó là cái đảo kết bằng cỏ, khi nước lên, đảo nổi và trôi quanh hồ theo gió và sóng. Đáy hồ là lớp bùn đen và cực dày...người lớn bảo : có vài trường hợp người bị lún xuống,

bùn quánh đến nỗi người ta chỉ còn cách tuyệt vọng nhìn người đó lún dần, lún dần đến tận lút đầu mà không có cách nào cứu được. Giống như trường hợp con voi chiến của Trần Hưng Đạo ngày xưa ấy.

Nhà anh Ba có tới ba đời làm nghề mò cua bắt ốc. Xưa ông nội anh dạt đến xứ này mưu sinh. Mà đúng ra, khắp lượt xóm thôn quanh quanh đều là dân nơi khác dạt về, chưa có nhà nào “già” quá một trăm năm.

Anh Ba là con trai duy nhất của ba mẹ anh. Anh cực hiền và trẻ lạ lùng. Người ta mới gặp anh lần đầu không thể đoán chính xác anh bao nhiêu tuổi. Ai cũng đoán anh mới hai mươi trong khi anh đã đi qua tuổi ba mươi được mấy năm rồi. Anh trẻ hơn tuổi rất nhiều, Người ta bảo những người ít phải suy nghĩ thường trẻ lâu. Điều này...trong hoàn cảnh chung hiện nay thì không được đúng cho lắm, vì khi người ta bỏ ra cả đồng tiền để “trùng tu” lại nhan sắc thì thời gian cũng bó tay khi cố đề dấu vết trên gương mặt họ. Nhưng mà anh Ba chẳng có tiền để sống nhàn hạ chứ đừng nói có tiền để chinh đồn nhan sắc...Có lẽ phải lâu lắm mới gặp mới thấy anh già đi đôi chút. Anh Ba trẻ, lại rất hiền, bọn trẻ con trong xóm rất quý, từ lớn chí bé chúng chỉ gọi anh “anh Ba...anh Ba” trong khi chúng e dè và ngoan ngoãn gọi cô Thắm vợ anh là...cô...Vậy mà một hôm chú Tư béo ra ngoài ngao du thiên hạ, mang về một cuốn sách dày cộp. Chú vạch một trang oang oang đọc cho mọi người nghe, sau đó phán một câu “kinh hoàng” : “Này. Đừng nghĩ trẻ lâu mà tốt nhá. Sách bảo người ta phàm quá già hay quá trẻ hơn tuổi đều không phải là quý tướng.” Tóm lại là gì? Tóm lại là người ta sinh ra, lớn lên, già đi ...tuốt tuốt phải phù hợp với quy luật phát triển chung. Ví dụ anh ba mươi tuổi mà ai cũng đoán trúng phóc mới được, cùng lắm chỉ nên xê dịch đôi chút. Ví như trong một vườn cây, trong khi những cây đồng trang lứa đều đã đơm hoa kết trái cả rồi mà ta vẫn tươi non mon mơn là hồng bét. Hồng bét. Không cẩn thận còn bị chủ vườn nhổ đi như chơi ấy chứ...

Anh Ba chỉ mỉm cười với tất cả những điều sách vở ấy. Hằng ngày anh hết vòng vòng quanh quả đồi xanh ngát cây của mình,

kiểm tra xem có cái cây nào bị gió hay ai đó bẻ gãy không, thì lại cấp cái giỏ to oành như cái thúng, đạp xe đến hết nơi này sang nơi khác trong vùng, tìm cái ao nào vừa bị tát cạn, cặm cuội kiếm con tôm con cá còn sót lại. Cá tôm kiếm được anh mang ra chợ bán. Và lạ là: Bao giờ anh cũng mang về thả xuống hồ nhà mình vài con còn sống khoẻ. Chẳng ai hiểu anh làm cái việc “dối hơi” ấy làm gì. Nhưng anh cứ thế, mê mải, chẳng bận tâm đến ai hết.

Qua đồi trọc ven hồ ban đầu còn trơ trụi, chẳng ai quan tâm đến nó, chẳng ai nghĩ sẽ cho nó hay bản thân một cơ hội để làm thay đổi nó. Người ta chỉ sức nhớ ra nó khi anh Ba cần mẫn đi những chuyến rất xa, rất xa, để chở về những cây xoan con, những cây bạch đàn, hoàng đàn con rồi lại một mình hì hục đào hố trồng chúng xuống. Khi anh đã trồng cây được kha khá một góc đồi thì người ta đến bảo anh đang chiếm dụng đất công đây. Doạ thế rồi bỏ đi. Anh Ba im lặng rồi lại làm việc anh muốn làm, tìm cây giống về phủ khắp ngọn đồi. Khi cây đã lớn ngang bụng người lớn, rồi vươn cao hơn nữa thì người ta bắt đầu đến phá. Bọn trẻ hồn nhiên bẻ cây làm roi đuổi trâu bò, đánh khăng hay chơi những trò vớ vẩn. Vài chị trong thôn vô tư lên chặt cây về ... đun. Anh Ba chạy khắp đồi kiểm tra, quát nạt, van xin, nhưng chẳng ai để tâm, họ còn cười vào mặt anh, bảo anh dở hơi à? Cây trên đồi chẳng của ai thì ai muốn làm gì chẳng được... Anh Ba lại đi tìm những cây non về thế chỗ những cây bị phá. Và người ta chỉ thực sự không nỡ phá của anh nữa khi một buổi chiều anh ngồi giữa đồi cây ôm mặt khóc hu hu đầy tuyệt vọng.

Đồi cây giờ đã lớn, xanh um và rì rào trong gió. Bây giờ nó đã “thuộc về ai đó” và trở thành một nơi râm mát để trẻ con đến chơi đùa... Mùa thu, những cây hoàng đàn nhất loạt trổ những chùm hoa vàng nhỏ xíu. Khi gió rung cây, những bụi phấn hoa vàng bay ào ào trong gió, ra phía hồ, tan vào không gian. Có người bảo chúng có mùi thơm, người khác lại bảo không phải thế... Cô giáo Thuỳ Anh về dạy học trong vùng, nghe câu chuyện của anh Ba và sự ra đời của đồi cây, cô cảm động bảo: “Hồi còn bé cô đã khóc rất nhiều khi đọc truyện ngắn “Rừng Kিনি” của một nhà văn Nhật Bản. Câu chuyện kể về một em bé thiếu năng trí tuệ đã lặng

lẽ trồng cây ở một quả đồi. Sau này, em bé qua đời, nhưng đồi cây của em đã trở thành kỉ niệm đẹp nhất trong cuộc đời không chỉ riêng em ấy. Rồi cô kể lại câu chuyện đó cho học sinh nghe theo trí nhớ. Đám học sinh của cô vào đồi bạch đàn chơi, chúng ngắm nhìn những cây xanh đang ngả nghiêng rì rào trong gió, lòng chúng bâng khuâng... Chúng gọi anh Ba là “anh Ba Kiniu” Anh Ba không hiểu gì, nhưng vẫn cười, nụ cười “chân thành hiếm thấy” như cô giáo Thuỳ Anh từng nhận xét.

Anh Ba không phải là chủ nhân thực sự của hồ nước và đồi cây. Vì người ta đã nghĩ ra một cách hay ho để sở hữu nó. Địa phương cho đấu thầu 50 năm khu vực hồ nước và đồi cây. Người trúng thầu là một kẻ giàu có và keo kiệt. Lão thương tình anh Ba nghèo, lại có công trồng cây trên đồi nên thuê anh trông nom chúng. Anh Ba im lặng chấp nhận. Mà anh có thể không im lặng chấp nhận hay sao?

Ông chủ thực sự “hợp pháp” của đồi cây và hồ nước cho nạo vét toàn bộ lòng hồ, “tiêu diệt hết bọn tôm cá oắt con” và chỉ thả nuôi những loài cá to, cho thu nhập cao. Một ngày nọ, ông ta lại cho dựng quanh hồ vài cái chòi lợp lá cọ, bảo “cho khách du lịch câu cá”, lại dựng một cái chòi khác ở cổng để thu vé. Ông ta lại bảo “Bây giờ một du lịch sinh thái đang nở rộ, câu cá là một thú tiêu dao rất sành điệu”... Nói chung, khách vào mua vé rồi thoả sức câu, nhưng câu làm sao để cá cắn câu... ít thôi, vì người ta chủ yếu câu tiêu sấu chứ đâu phải câu cá... Dịch vụ của ông chủ đó không phát triển lắm dù mỗi tuần cũng có khoảng trên chục vị khách phương xa đến rồi chìm lút trong những cái chòi và ra về vẫn hẫ hẫ dù có khi họ chẳng câu được con gì..

Hôm đó anh Ba từ trong đồi cây đi ra, thấy bọn trẻ chặn trâu mọi khi la hét inh ỏi, nay ngoan ngoãn túm tụm lại ở ngoài vách một cái chòi... Chúng chống hông ra ngoài, đầu chụm lại, vẻ như cái gì đó trong chòi kia vô cùng hấp dẫn.

- Cái gì thế?

Câu hỏi của anh Ba vang lên bất ngờ. Như bị bắt quả tang đang làm một điều tệ hại, bọn trẻ giật mình chạy túa ra, mặt đỏ

nào cũng đỏ phừng phừng như vừa uống rượu. Nhưng ngay lập tức, thằng bé nhanh nhẩu nhất chỉ tay vào chòi nói tía lia :

- Anh Ba ơi có...có chuyện kinh lắm.

Nói xong, nó lao lại đập tay vào vách chòi ầm ầm. Bọn trẻ hùa theo. Anh Ba hoảng hốt

- Cái gì thế? Cái gì thế?

Nhưng anh không ngăn được sự hưng hăng khoái chí của bọn trẻ. Khi cửa chòi bị vạch ra: Một đôi trai gái trong chòi. Cô gái tóc tai rũ rượi, co rúm trong xó lều khi trên người cô ta chỉ được che vội bởi cái áo sơ mi...

...Họ dắt díu nhau rời khỏi chòi trong tiếng hò reo khoái chí của lũ trẻ. Nhìn về ê chề của họ, bọn trẻ cá nhau : Suốt đời họ cũng không bao giờ quay lại đây nữa.

- Chúng mày tìm thấy thằng cu này ở chính cái chòi đó chứ?

- Vâng - Bọn trẻ xác nhận với vẻ rất hào hứng.

- Thôi...thế là đúng rồi ...ôi – Chú tư béo vỗ tay đen đét lên trán – Đích thị là hai đứa mất dạy ấy đã đẻ ra thằng cu này rồi.

Cứ cho là hai đứa hư đồn đó đã đẻ ra đứa trẻ. Nhưng đứa trẻ thì ở đây, còn hai đứa hư đồn thì biết ở đâu mà tìm?

Anh Ba tới giờ không im lặng nữa. Anh bước tới chỗ cô Thuý Anh , đón đứa bé từ tay cô, rồi nói một câu mà ít ai ngờ tới.

- Biết đâu con đến đây lại đem theo một điều kì diệu?

Thằng bé được anh Ba đặt tên là thằng Cò. Nó xuất hiện có thể đem đến cho hồ nước và đồi cây một điều kì diệu thật...Cuối năm đó. một đàn chim trắng rất đông từ đâu bay đến đậu trên những ngọn bạch đàn, hoàng đàn rửa lông rửa cánh. Rồi không lâu sau, những đàn chim bay về ngày một đông. Chiều tối, những đàn chim bay về đồi cây, chúng lượn những vòng tròn tuyệt đẹp thật lâu mới đáp xuống. Sáng hôm sau những đàn chim lại ào ào vỗ cánh bay đi hối hả. Và chiều tối, chúng lại lần lượt kéo nhau về, lại lượn những vòng tròn tuyệt đẹp trên đồi cây trước khi đáp xuống. Chu trình ấy lặp đi lặp lại qua ngày tháng. Chiều nào anh Ba cũng bế thằng Cò mê mải ngắm nhìn đàn chim bay lượn. Sáng nào anh cũng lại đứng trông chúng bay đi , đôi mắt phảng phất chút lo âu như thể anh sợ chúng bay đi buổi sáng và buổi chiều

không về nữa. Hết như cha mẹ lo lắng khi con cái ra đường và họ chỉ yên tâm khi chúng trở về.

Khu đồi nhà anh Ba trở thành một vườn chim.

...Bảy năm đã trôi qua....

Lâu lắm không thấy anh Ba đeo cái giỏ to oành bên hông đi xe đạp rong ruổi khắp vùng để tìm kiếm cá tôm ở những lạch nước hay ao hồ đang thu cá nữa..mà phần lớn thời gian người ta thấy anh thơ thẩn đi dạo dọc những con đường trong thôn hay ngồi bần thần và thậm chí ngủ quên dưới một bóng cây nào đó. Khi gặp anh, ai đó muốn hỏi gì thì hỏi, nhưng đừng đại dột mà hỏi đến vườn chim, hồ nước và ngôi nhà cũ là anh nổi đoá lên ngay. Anh luôn câu tiết nếu ai đó vô tình hay cố ý hỏi đến chúng.

Từ ngày không còn được trông nom hồ nước và khu đồi cùng những đàn chim, anh Ba trở nên khùng tính, vợ anh ngán ngẩm, từ lâu đã không cho anh sống chung nữa rồi.

Hồi anh Ba cưới cô Thắm, người trong thôn cứ tiếc cho anh mãi. Một anh chàng hiền lành như anh, cưới đâu chả được một cô vợ hiền, tuy anh có nghèo và hơi mát tính một chút. Thế mà anh lại cưới cô Thắm, một người đàn bà mà nghe đồn là thành tích phong sương có giũ cả năm không hết. Cô Thắm sinh thằng Cộ , ai cũng bảo “đích thị không phải con anh Ba” mà là con của thằng cha nào đấy. Cô Thắm nghe thế, xoe xoe chửi cha đứa nào ngứa miệng, nhưng anh Ba chỉ cười, anh cười kiểu “ngây thơ vô tội” hay kiểu “dần dần” như thể gia tài của anh chẳng có gì khác ngoài những kiểu cười vậy...Đến khi thằng Cộ bị người ta nhấn tâm vút vào chòi cá nhà anh thì chú Tư béo cứ than dài ngoài quán nước

- Trời! số cái thằng khốn khổ, chỉ đi nuôi con thiên hạ.

Mẹ bỏ bố bơ vơ thì hai thằng con lại thương bố đến nỗi những nhà có con hư cũng phát thèm. Hai anh em chúng nó bỏ cả học dắt nhau đi mò tôm bắt ốc nuôi bố. Cô giáo Thuỳ Anh một hôm tìm thấy chúng đang dắt nhau lùm bùm lội mương mò hén. “Sao bỏ học hả em?”- Cô nín cái tay áo cộc bết bùn của nó hỏi. “Em nghỉ học để nuôi bố thôi” Thằng anh cúi mặt trả lời. Thằng em cũng nín tay anh nói “em cũng thế”.

Cô Thuý Anh thương quá. Cô dắt hai anh em nó về, đi qua khu nhà cũ đúng lúc chiều chạng vạng. Ba cô trò đứng ngoài hàng rào nhìn vào đôi cây đang xào xạc gió, một vài cánh chim trắng đậu đơn côi trên ngọn cây chìa ra gần hồ nước. Lòng cô giáo nghẹn lại. Ôi! Những đàn chim tiếp nối những đàn chim bay những vòng tròn tuyệt đẹp cuối chiều trước đây đâu rồi. Những đàn chim đã bay đi, hay chúng đã bị người ta giết hết?

Từ ngày chim về đôi cây nhà anh Ba đậu lại, người trong thôn ai cũng vui. Họ bảo nhau : “Đất lành chim đậu. Các cụ bảo thế”

Chim về vườn chưa lâu. Một tối, bọn trẻ vào đồi chơi trận giả, chúng gặp Thìn gần ngôi dặng chân trước một đống lửa nhỏ đượm than hồng. Hắn đang hả hê. Bên cạnh hắn , hai chú chim trắng đang đập cánh tuyệt vọng. Bọn trẻ ào đến. Thìn gần gi một con chim nướng thơm ngậy vào mũi từng đứa : “Ăn không bọn mày? Của trời cho đấy.”

Bọn trẻ chỉ là những đứa trẻ. Chúng bị quyến rũ ngay lập tức.

Những bữa tiệc thịt chim của Thìn gần cứ tăng nhanh vòn vọt. Gio thì không chỉ Thìn gần, bọn trẻ, mà nhiều người trong thôn cũng coi bầy chim là của trời cho. Tối đến, khi bầy chim đã đậu yên trên những cành cây, người ta thi nhau vào đồi bắn chim. Tối tối...cả đồi cây xào xạc.

Thìn gần ngày càng quái đản. Hắn bắn chim, mổ bụng bỏ nội tạng rồi mới chiên, xào nướng hay nấu cháo...những trò ấy dần “quê”. Sau hắn bắt chim sống, vặt trụi lông rồi cứ thế nướng con chim tội nghiệp trần trụi, và còn sống nguyên trên than hồng . Con chim khốn khổ đó chịu đau đớn cho đến chết dần.

Anh Ba chạy khắp đồi cây van xin người này, năn nỉ người kia đừng bắn chim nữa. Nhưng không ai nghe lời anh cả. Với họ, những đàn chim trời béo ngậy, hấp dẫn hơn những cây bạch đàn xưa của anh nhiều. Cô Thuý Anh đau lòng, chạy đi xin chính quyền làm cái gì đó để bảo vệ bầy chim.

Họ hứa.

Trong khi cô giáo chờ đợi những lời hứa thì học trò của cô đã có những em hiểu được tầm quan trọng của thiên nhiên. Các em

yêu quý bầy chim hơn và đã viết những dòng chữ thật to “Xin đừng bắt chim” lên những tờ giấy trắng rồi dán chúng ở những cây bạch đàn, hoàng đàn...Mưa gió làm những tờ giấy bị mủn đi. Các em lại viết, lại dán lên những tờ giấy khác...

Một buổi sáng anh Ba đầu tóc bù xù đứng ở sân nhìn những đàn chim bay ra khỏi vườn thì ông chủ của anh đến bảo: Ông ta không muốn thuê anh tiếp tục trông vườn nữa.

Anh Ba chưa dọn đi, Thìn gàn đã dọn đến. Bờ rào dây thép gai được chằng lên bao trọn khu đất. Thìn gàn trở thành người trông vườn mới. Và từ đó, cũng như việc câu cá trước kia, người ta phải mua vé mới được vào săn chim trong đồi.

Chiều đó cuối thu...

Thìn gàn hằm hằm xách cây súng săn lao vào đồi cây. Hắn đang điên tiết vì khách của hắn phàn nàn có mấy đứa trẻ con mắt dạy quá, cứ bắt được con chim nào là chúng xô đến cướp rồi chạy mất tiêu. Thìn gàn rắp tâm : Hôm nay phải tóm được một đứa rồi tẩn cho như đòn, dọa bọn “khỉ”kia mới được.

...”Bụp” - sau một tiếng nổ trầm gọn, một tiếng chim kêu tuyệt vọng. Người thợ săn hăm hở tiến lại phía con mồi... “vù...ù” một cái bóng nhỏ xíu từ đâu vụt tới. Nó nhanh tay chớp lấy con chim và quay cổ chạy mất.

“Ồ...ơ thằng kia...thằng kia...Bỏ chim của tao lại ngay...”

Người thợ săn kêu lên đầy phẫn nộ. Như không nghe thấy, thằng bé vẫn chạy.

“Hừm...thì ra là mày hả ôn con?”

Thằng bé chưa kịp định thần đã bị bàn tay to cứng của Thìn gàn tóm lấy gáy. Nó đau điếng, buông con chim trên tay xuống...

“Lỗi con. Hôm nay mày chết với tao.”

Thìn gàn vặn tay, xoay thằng bé lại rồi nhanh như cắt, tạt cho nó một cú tạt trời giáng.

Thằng bé bị đánh, ngã nhào xuống đất. Nó khóc thét. Thìn gàn vẫn chưa tha, lại tóm cổ nó nhấc lên...

“Cho chúng mày chừa cái tội phá đám.” Thìn gàn giơ tay, nhưng chưa kịp tát đã rú lên. Hắn vội chớp tay lên cầm phải, sợi râu duy nhất đen dài mọc ra từ mụn thịt to như hạt ngô của hắn đã

bị thằng bé giật đứt . Thằng bé đâu ngờ điều đó khiến Thìn gần điên tiết gấp bội.

“Áà...ôn con. Mày tới số rồi nhá.”

Hắn chộp lấy thằng bé, lẳng mạnh nó ra phía trước.

“ A ...a ...a” Thằng bé rơi vào một thân cây...

Nó nằm dưới gốc cây đó. Một cây hoàng đàn. Đôi mắt nó như đôi mắt bầy chim, mở một cái nhìn tuyệt vọng.

Nghe tiếng em kêu, thằng Cồ chạy lại. Nó suýt đâm phải Thìn gần lao như tên bắn ngược chiều nó. Thìn gần còn như không nhìn thấy nó...

Im ắng...rời rì rào...gió ở đâu kéo về ào ào trong vòm lá. Những cánh chim trong đồi cây tao tác. Thằng Cồ bần thần bước lại, thấy em nó đang nằm dưới gốc hoàng đàn: Im lặng.

Bấy giờ đang độ cuối thu, hoàng đàn trong đồi nhất loạt trở hoa vàng rực. Phấn hoa vàng theo gió bay như mưa. Thằng Cồ nhìn thấy cơn mưa bụi phấn hoa vàng đó vô tư đậu xuống khuôn mặt thiên thần của em mình...

Ở rất xa đồi cây, bọn trẻ xúm quanh mấy cái bu chụp lên những con chim bị thương đang yếu ớt ăn những hạt cám. Đó là những con chim hiếm hoi được cứu sống sau khi bị người ta bắn.

“ Bao giờ chúng nó bay được chú Ba?”

Bọn trẻ luôn miệng hỏi anh Ba câu đó, ngày nào cũng hỏi như thế. Anh Ba chỉ trả lời một câu thôi: “Ngày mai.”

Hôm nay Cồ và Cộ cùng mấy đứa trẻ khác đi “giải cứu” bầy chim mãi vẫn chưa thấy về. Anh Ba bần thần ra hiên đứng ngóng. Phía xa đồi cây, một vài cánh chim lẻ loi bay về.

“Chúng nó bị người ta giết quá, bay đi hết rồi...”

Tự dưng anh Ba lại vui vui vì chim đã bay đi...

Nhưng chiều đó gió lớn...gió ào ào thổi qua thôn. Trong gió, anh Ba nhận thấy có thật nhiều bụi phấn hoa vàng.

31 – 5 - 2009

QUÊ MẸ MÀU THÁNG TƯ

“**B**iên à?”

“Ừ. Sao?”

“À...Không có gì đâu...”

Có rất nhiều việc trong đời phải nhớ, trong đó, đôi khi là cả những việc viễn vông. Đến bây giờ tôi vẫn không sao quên được khoảnh khắc ấy, khoảnh khắc chị Lịch và tôi đứng dưới bóng trắng tháng chín nhạt mờ bên cây trứng gà già trước ngõ, chị định nói điều gì đó với tôi, rồi quyết định không nói nữa. Việc không hỏi đến cùng đã khiến tôi ân hận suốt những năm dài tuổi trẻ. Vì đó là lần cuối cùng tôi nhìn thấy chị Lịch, lần cuối cùng tôi nghe giọng nói mềm như gió của chị.

...Tháng tư, hoa huệ nở đỏ rực cả mảnh vườn nhà bà Lũ. Đó là mảnh vườn duy nhất trong làng không trông gì khác ngoài hoa huệ đỏ. Mà hoa huệ đỏ cũng chỉ nở rộ duy nhất vào tháng tư dương lịch.

Mảnh vườn mê hoặc chúng tôi với tất cả vẻ đẹp huyền dị, ma quái của nó. Vì bà Lũ thì đã già lắm, sống một mình trong ngôi nhà xây bằng đá ong quá tuềnh toàng. Bà không bao giờ rời khỏi cổng, và vườn hoa huệ đỏ cũng không phải do bà trồng tỉa chăm bón. Mẹ tôi bảo chúng tự sinh sôi, tự nở, tự tàn, hết năm này sang năm khác.

Tháng tư ấy là của một năm đã xa, khi hoa huệ đỏ nở rực cả khu vườn, đẹp mê mết đẹp. Buổi trưa nào chúng tôi cũng trèo lên cây trứng gà trước ngõ nhà bà Lũ. Cây trứng gà xoà bóng, đón những cơn gió từ sông thổi về êm dịu, chúng tôi ngắm nhìn và bình luận về hoa huệ đỏ. Không đứa trẻ nào dám xuống hái hoa, vì sợ đêm đêm bà Lũ sẽ choàng áo đen bay đến tận đầu giường đòi lại. Dù bà chưa hề chết.

Một thiên thần đã đáp xuống vườn hoa nhà bà Lũ buổi trưa hôm ấy. Buổi trưa tháng tư nắng dịu dàng. Thiên thần mặc váy

trắng ngang đầu gối, thắt lưng thít một chiếc nơ màu đỏ. Thiên thần đứng trong vườn hoa, với một cành hoa đỏ. Thiên thần huyết sáo lạnh lốt, một giai điệu tôi chưa từng nghe thấy bao giờ...

Về sau chị Lịch bảo chắc lúc đó tôi mê chị lắm. Tôi tất nhiên thú thật. Trong đời tôi chưa bao giờ thấy một cô bé xinh đẹp đến thế. Bọn con gái ở lớp, đứa nào cũng tóc cháy khét, quần lò xo và áo thì dính đầy nhựa cỏ. Chúng chẳng bao giờ nói những câu dịu dàng, mở miệng là chửi bọn con trai, nói bậy choe choe. Một thiên thần như chị làm sao không khiến trái tim mười hai tuổi của tôi thổn thức cho được.

Mẹ bảo anh em tôi phải gọi Lịch là chị, dù lúc đó chị mới mười một tuổi. Tôi không nói gì, nhưng anh Hàm nổi quạu: “Liên quan gì đến nhà nó mà bắt gọi chị?” Mẹ chờ cơn tức của anh Hàm dịu xuống, mới nói: “Mẹ bảo các con gọi là gọi.”

Bây giờ mẹ đã mất rồi, đã nằm sâu trong lòng đất. Tôi đã về đây chịu tang mẹ. Trong khói nhang nghi ngút, khuôn mặt mẹ thắm sâu trăm nỗi. Mẹ mất, mà đôi mắt trên ảnh thờ kia vẫn còn muốn nói với tôi bao nhiêu điều chưa nói.

Bà Lũ cũng đã mất với đôi mắt như thế. Đôi mắt bà không khép, giữa buổi trưa thanh bình lòng lộng, bên thúng bột sắn trắng tinh. Hôm đó bà sai chị Lịch nhào bột làm bánh như bao lần khác...

Tôi và chị Lịch thân nhau ngay lập tức từ buổi trưa tháng tư năm ấy, khi chị đứng trong vườn huệ đỏ, váy trắng tinh với chiếc nơ xinh đẹp. Chúng tôi thường ngồi chơi ô quan ngoài hiên nhà lộng gió. Căn nhà bà Lũ quá tuềnh toàng, gần như không còn cánh cửa nào để khép, không có bộ bàn ghế nào đủ an tâm để ngồi, không có màu sắc nào gợi một niềm tươi mới. Bà Lũ như một chiếc bóng, dật dờ đi lại, hết ngoài sân lại vào nhà, hết vào nhà lại ra sân. Làng xóm bảo bà Lũ số khổ một đời, có những ba người con, cuối cùng lại đơn chiếc đến khốn khổ. Bà Lũ không thích cho ai vào nhà bà. Cô con gái bà lấy chồng xa, vẫn nhờ người làng mỗi ngày đáo qua nhà bà một lượt, chỉ để yên tâm bà không cảm gió, ngủ vĩnh viễn mà không ai hay biết.

Bọn trẻ chúng tôi khi ấy, khốn nạn là không hề thấy bà đáng thương, chỉ thấy thích thú với việc trêu chọc bà mỗi ngày. Chúng tôi đã không hiểu làm thế nào mà một bà già đã già nua nhường ấy vẫn sống được mà không đi ra ngoài kiếm tiền hay kiếm củi, không muốn gặp ai và không muốn làm gì. Cho nên chúng tôi thường bày trò dọa ma bà. Mà lạ, chưa khi nào những trò dọa dẫm của chúng tôi làm bà sợ. Cho đến một ngày bọn đàn anh trong làng bảo một đêm khuya, họ nhìn thấy bà ngồi nói chuyện với mấy người, họ, những người ấy, chẳng người nào có mắt, mũi, hay miệng. Trên mặt họ chỉ là một khoảng trắng hoác.

Đó là những ngày tôi còn bé, và vì tin bà là phù thủy, nên chẳng cần làm lụng kiếm tiền mà vẫn sống. Cho nên vườn hoa huệ đỏ nhà bà mỗi năm lại thêm rực rỡ.

Thế mà một buổi trưa tháng tư, trong khu vườn phù thủy ấy xuất hiện một thiên thần. Thiên thần đứng chơi với hoa, huýt sáo một giai điệu tha thiết mà xa lạ. Thiên thần đến trường tôi, học lớp tôi, trở thành thiên thần của cả trường. Đứa trẻ nào cũng muốn làm bạn với thiên thần, và chúng chẳng còn muốn tin thiên thần sống trong ngôi nhà với bà già phù thủy nữa.

Mẹ bảo tôi muốn chơi với chị Lịch, thì đừng bao giờ cho bà Lũ biết tôi là con trai của mẹ, là cậu bé hàng xóm cách một bờ rào. Dù ngày trước bà biết tôi, nhưng bây giờ bà đã già lắm rồi, mắt mờ rồi, bà chẳng thể nhận ra được đâu.

Tôi không có thời gian để nhận ra, hay vặn vẹo những mâu thuẫn, những vô lý và kì quặc trong câu chuyện của mẹ. Việc mỗi ngày đến lớp cùng chị Lịch, đi ra đồng thả trâu và nghĩ về chị Lịch đã choán hết tâm trí tôi. Khi đó, tôi chỉ là một cậu bé...

Tôi và chị Lịch thường chơi ô ăn quan và đọc truyện ngoài hiên gió nhà bà Lũ. Từ ngày có chị Lịch về, ngôi nhà tuênh toàng của bà bớt hiu quạnh, nó có màu sắc hơn nhờ những chiếc váy, những bộ quần áo cực đẹp mà chị mang từ trên tỉnh về, chúng rất xa lạ với đám trẻ làng tôi. Và vì cứ hai tuần lại có một người phụ nữ ăn mặc thật đẹp đến, mang theo bao điều lạ khác: Bộ ẩm chén bằng sứ Bát Tràng. Những chiếc bát xinh bằng sứ Bát Tràng. Chiếc chiếu mới in hoa hồng cùng đôi chim câu trắng cuốn một dải

lụa mềm, chiếc chăn bông vải cũng in những bông hoa hồng đỏ chót, và một hôm có mấy người đàn ông đến lắp những cánh cửa, thay bộ bàn ghế...

Bàn thờ nhà bà Lũ cao, rất cao, mà tôi không hiểu vì sao bà lại kê bàn thờ cao đến thế, để mỗi lần muốn thắp hương cho những người đã khuất, bà lại lọ mọ trèo chập chạp trên chiếc thang gỗ cũ kĩ và thâm đen. Thực lòng, tôi luôn thót tim mỗi khi nhìn thấy bà leo lên thang để thắp hương. Lên đến nơi rồi, bà run rẩy cắm những que hương, mà như thể bà đang giơ tay níu một ai đó phía bên kia bàn thờ... mà con người tôi tệ ấy chẳng hề biết nghĩ cho bà già chênh vênh trên thang, chập chới giữa bao bất trắc.

Bàn thờ nhà bà Lũ có ba bức ảnh. Đó là ba người đàn ông. Một cụ ông vận đồ the khăn xếp, đôi mắt và nét mặt nghiêm nghị. Một chú bộ đội môi đỏ như son, đang nghiêng vai mỉm cười, và một người đàn ông trẻ khác, cũng vận quân phục với đôi mắt trũng sâu. Tôi đã nhìn rõ họ, khi bà Lũ ốm, chị Lịch nhờ tôi bung đĩa bánh sắn luộc đặt lên bàn thờ và thắp hương cho họ.

“Đấy là bố em.” Chị Lịch đã nghiêm nghị giải thích với tôi như thế.

Bố chị Lịch là người đàn ông với đôi mắt trũng sâu u buồn. Còn chú bộ đội môi đỏ như son đang mỉm cười kia là ai? Chú ấy là con trai út của bà Lũ. Chú ấy là...chồng của mẹ tôi.

Đến bây giờ, chú ấy vẫn là chồng của mẹ. Mẹ trước khi nhắm mắt, đã ôm ảnh chú ấy khư khư trên khuôn ngực khô gầy. Anh Hàm bảo hay là táng mẹ cùng bức ảnh ấy. Nhưng các cụ trong làng không cho. Họ bảo làm thế là có tội với người đã khuất.

Bức ảnh chú bộ đội, mà sau này mẹ bảo anh em tôi gọi là bố, đang nằm trên bàn thờ nhà tôi, cạnh bức ảnh mẹ với đôi mắt còn muốn nói bao điều chưa nói.

Chị Lịch hay sang nhà tôi chơi. Hay theo tôi đuổi trâu ra thả bờ sông. Nhà tôi nuôi nhiều gà, vịt. Chị thích những chú gà con, vịt con, cả mèo con nữa. Chúng tôi đã bí mật cùng nhau làm một chiếc chuồng thật xinh ở góc vườn hoa huệ đỏ, tôi trộm của mẹ những con gà con, vịt con mang đến nuôi chung. Phần lớn chúng ốm yếu mà chết. Anh Hàm một lần bắt quả tang tôi đang giấu chú

gà con trong túi áo, tát cho tôi một cú trời giáng. Anh chửi tôi giống nhà ai mà đại gái si tình như mày.

“Giống nhà ai mà đại gái si tình...?”

Anh Hàm năm đó mười lăm tuổi, có đôi mắt một mí sắc như lưỡi dao, khuôn mặt hơi dài và lạnh. Anh không bao giờ cười thoải mái với tôi, ngay cả khi anh vui nhất. Câu anh chửi tôi “Giống nhà ai mà đại gái si tình...” được nhắc lại trong một bữa cơm chiều, anh khoe với cả nhà, hôm đó anh được thầy lịch sử ví anh giống như Tần Vũ Dương bên Tàu, Tần Vũ Dương mới mười lăm tuổi, giết người không một chút run tay, bản lĩnh hơn người, không ai dám nhìn thẳng vào mặt cậu ta, vì thế mới được chọn đi hành thích Tần Vương. Làm trai trên đời phải thế, chứ đâu có như tôi “Giống nhà ai...”

Mẹ liệng bát cơm xuống mâm gỗ, chiếc bát va vào bát canh, cả hai đều vỡ làm đôi, cơm canh tung toé. Mẹ chồm qua mâm cơm, giúi đũa vào trán anh Hàm: “Thằng mất dạy. Tao cấm mày. Hiểu chưa?”

Bàn tay mẹ bị mảnh bát găm, máu tuôn ròng ròng. Tôi mím chặt môi, rồi cuối cùng cũng không nén nổi. Tôi oà khóc.

Chị Lịch là mối tình đầu của tôi, mối tình dịu êm mà khắc khoải.

...Bố chị Lịch đã về làng sáng hôm ấy, một buổi sáng yên bình sau bao năm biên biệt chiến chinh. Nhưng đón bác ấy là ngôi nhà trống hoang, cửa không khép, dưới sân là những chiếc áo bị gió giật xuống khỏi dây phơi, chẳng có người nhặt lên, trong bếp, bày gà đang làm vương làm tướng, tro bếp, rơm rác tãi tung toé...

Mẹ và em dâu bác ấy đang ở trên uỷ ban xã. Người mẹ già sầu khổ, nước mắt ướt đầm hai vạt áo. Con trai bà đã trở về, mà sao lại đúng ngày này, ngày con dâu út của bà đang ngồi kia, bên gã tình trai bán chiếu...

Mẹ bế anh Hàm dọn về bà ngoại ngay hôm đó. Bà ngoại tôi ở bên kia, cách một bờ rào. Hôm đó mẹ đã hoài thai tôi.

Đó là sau này tôi mới biết. Đêm trước ngày bố chị Lịch trở về, mẹ tôi đã bị dân quân xã bắt quả tang đang say đắm với cha tôi, một người đàn ông đã vợ con đề huề, làm nghề bán chiếu dạo qua

làng. Không còn mặt mũi nào nhìn mặt mẹ chồng, anh chồng, mẹ chỉ có thể ra đi.

Giá mà tôi biết mẹ đã đau lòng như thế nào khi ra đi. Lúc đó hẳn mẹ tin bác ấy đã về, thì bà Lũ, mẹ chồng già sầu khổ của mẹ sẽ có người chăm sóc. Nhưng bác ấy về rồi lại đi công tác trên tỉnh, kết hôn với một phụ nữ cùng cơ quan, bác có đón bà lên để tiện chăm sóc. Tiếc là bà chẳng chịu rời làng. Tiếc là bốn năm sau từ chiến tranh bước ra, người anh chồng của mẹ tôi cũng qua đời, để lại mẹ già cô đơn, vợ và một cô con gái nhỏ.

Con gái bác là chị Lịch của tôi, chị Lịch của tôi, mỗi tình đầu. Mẹ Lịch vì tái hôn nên phải gửi chị về quê nội.

Chị Lịch gửi trả tôi tất cả những con gà, con vịt thậm chí là cả mèo nữa, khi chúng đã lớn lên. Không phải vì chuyện tôi bị anh Hàm đánh khi bắt quả tang tôi giấu gà con trong túi áo. Lịch bảo chị chỉ thích chúng khi chúng còn nhỏ. Chỉ có thể thôi.

Nói chung là tôi không thể nào hiểu được những suy nghĩ kỳ quặc của con gái, nhất là chị Lịch, một thiên thần tình khôi như thế. Nhưng cho đến bây giờ, khi không bao giờ gặp lại chị nữa, tôi vẫn nhớ đến chị mà nhức nhối. Nếu chị Lịch không đến trong đời tôi, chắc tôi đã tiếp cận nỗi đau thân phận theo cách khác, không phải cách mà anh Hàm dùng “Giống nhà ai mà đại gái si tình...” Nếu chị Lịch không xuất hiện trong đời, chắc vườn hoa huệ đỏ và bà cụ cô đơn kia, với tôi mãi mãi là bí mật.

Tôi đã không dám hỏi mẹ, mẹ có ân hận vì đã yêu người đàn ông có đôi mắt một mí, khuôn mặt hơi dài và lạnh lẽo nào đó, để sinh ra anh Hàm? Mẹ có ân hận vì đã yêu người đàn ông bán chiếu trong cái đêm nghiệt ngã ấy, để tôi sinh ra đời, để bà cụ Lũ vì đòn đau mà chìm vào mê lú? Người làng bảo sau cái đêm mẹ tôi bị bắt quả tang đang loã lồ cùng người đàn ông bán chiếu, bà Lũ khóc ròng, khóc ròng hơn cả ngày bà được tin con trai út đã hy sinh ở chiến trường, hơn cả ngày bà bế anh Hàm chào đời sau bao năm con trai bà biến biệt chiến trường và chẳng bao giờ về nữa. Sau này, khi lớn lên, thì thoảng tôi vẫn nghe người ta trêu anh Hàm là “con liệt sĩ chống Mỹ sinh sau 1975”. Anh Hàm rất căm cú vì điều đó. Rồi bà Lũ cứ quên quên, nhớ nhớ, bà thù hận tất cả, chỉ đến

khi thiên thần áo trắng xuất hiện trong vườn huệ đỏ trưa tháng tư năm ấy...

Mẹ và bà Lũ gần như tuyệt giao sau cái đêm tai tiếng đó. Tôi đã tin điều đó vốn hiển nhiên trước khi chị Lịch từ thiên giới xa xôi đáp xuống vườn huệ đỏ. Tôi với anh Hàm, cùng nhiều đứa trẻ làng khác, đã từ nhỏ coi bà cụ Lũ như ma tà, như phù thủy. Chúng tôi thì thoảng chơi trò ném sỏi vào nhà bà, dọa ma bà. Và khi bà không hề sợ trước những trò ma quỷ của chúng tôi, thì chúng tôi càng tin chỉ ma quỷ mới không sợ ma quỷ. Dẫu mỗi khi biết chuyện, mẹ bắt hai anh em tôi nằm sấp, dùng roi mây đánh lằn mông. Mà không hiểu sao, những đòn roi của mẹ chỉ kích thích thêm tính hung hăng và nhẫn tâm của anh Hàm. Anh ấy còn tìm bắt chuột cống đập chết, để thối rồi quăng vào sân nhà bà Lũ. Anh còn tìm máu lợn, máu chó ném vào sân nhà bà Lũ. Anh và bọn trẻ trong làng cho rằng đó là biện pháp hữu hiệu để trừ tà...

Tôi và chị Lịch đã cùng nhau đi qua mấy mùa hoa huệ đỏ. Tôi đã quen đến từng viên gạch đá ong lỗ chỗ, nơi hết đàn kiến này đến bầy kiến khác rồi tổ kéo nhau đi. Tôi đã quen thân những gương mặt đàn ông trên bàn thờ nhà bà Lũ. Chú bộ đội có đôi môi đỏ như son đã cưới mẹ tôi trước ngày ra trận. Không biết tại sao, nhiều khi tôi cứ hình dung đôi môi đỏ như son ấy đang mỉm cười với tôi, như tôi là giọt máu chú để lại quê nhà.

Và quả thật, nhiều khi ý nghĩ ấy còn đi vào cả những giấc mơ. Những giấc mơ luôn kì quái, khó lý giải, vì thế, trong những giấc mơ ấy, tôi tưởng mình đã loạn luân, khi yêu chị Lịch.

Chúng tôi đã trao nọ hôn đầu tiên cho nhau vào một trưa tháng sáu. Hoa huệ đỏ đã lụi một mùa, hiên nhà chỉ còn xao xác gió. Bà Lũ bảo chị Lịch nhào bột sắn, làm bánh cúng cho những người đàn ông đã khuất. Chị Lịch bảo ban đầu rất lạ, không hiểu sao bà lại chăm làm bánh, chăm thắp hương đến thế. Mà chiếc thang thì cũ, thì quá chênh chao. Nhưng việc đó dần cũng không còn lạ, mỗi lần bà sai nhào bột làm bánh, chị đều làm với tất cả niềm vui, nổi hứng khởi của tuổi hoa hồng.

Chúng tôi đã trao cho nhau nụ hôn đầu đời dưới hiên nhà tháng sáu, bên chậu bột trắng tinh và bốn bàn tay đều vấy bột. Nụ hôn ướt mềm như bờ cỏ đầm sương mai.

Tháng sáu của tình đầu mãi dừng lại ở đó, mãi dừng lại ở nụ hôn đầu. Trong ướt mềm của cỏ, trong ban mai ửng hồng, chúng tôi nghe một tiếng gieo người rất nhẹ.

Bà Lũ nằm nghiêng bên cạnh thúng bột khô, bột trắng bắn tung toé. Chúng tôi từng không hiểu bà cụ lấy những thúng bột trắng tinh ấy ở đâu và để trên gác cao của căn nhà. Khi đã quen thân với từng viên gạch đá ong nơi hiên nhà bà, tôi phát hiện ra bà để thứ gì cũng rất cao. Bàn thờ cao, để mỗi lần vươn tay thắp hương, như chơi voi, như níu giữ một người nào đó xa xôi. Những thúng bột sẵn để trên cao, để mỗi lần lấy xuống bà lại nhọc nhằn lần từng bậc của chiếc thang cũ ấy. Tôi không bao giờ biết trên gác xếp đó chứa bao nhiêu bột, phải chăng là một kho bột bất tận như kho của chàng Thạch Sanh, để đời này bà không bao giờ thiếu bột làm bánh cúng những người đàn ông đã khuất?

Mắt bà Lũ, đôi mắt đục mờ, không còn nhận rõ hình hài của người có ân hay kẻ có thù nữa, đã không khép lại, nhưng không mở để nhìn mây trời tháng sáu. Đôi mắt đó, mãi sau này, khi mẹ tôi mất, cũng đôi mắt của mẹ, mới gợi tôi nhớ đến đau nhói đôi mắt của bà. Khi đó, tôi còn quá trẻ, còn chìm đắm trong dư vị nụ hôn đầu, nên không thể nào hiểu được.

Mà đến bây giờ tôi vẫn không hiểu được. Chỉ những kỉ niệm về bà Lũ, về chị Lịch, về bức ảnh ba người đàn ông trên ban thờ cao vót trong ngôi nhà đó, khiến tôi hay nhớ đến và buồn.

“Biên à?”

“Ừ. Sao?”

“À... Không có gì đâu...”

Chị Lịch đã chia tay tôi như thế, tôi đã không biết rằng sau câu nói bỏ lửng đó, sau đêm trăng nhạt đó, tôi đã không bao giờ gặp lại chị nữa. Hôm sau chị Lịch không đến trường. Hôm sau tôi đến nhà, thấy nhà vắng lạnh.

Mấy năm sau, con gái của bà Lũ, người đã lấy chồng xa, người trước đây từng nhờ ai đó mỗi ngày đáo qua nhà để yên tâm

rằng bà Lũ không cảm gió, không ngủ vĩnh hằng mà không ai hay biết...đã quyết định bán ngôi nhà của bà. Bác ấy bảo chị Lịch đã theo mẹ sang Đức rồi, không bao giờ quay về nữa.

Số tiền bán nhà đó, bác nói sẽ dùng để thờ phụng cha mẹ và em trai. Chỉ có người ấy, chú bộ đội có đôi môi đỏ như son, lại về bên mẹ tôi.

Cái ngày người phụ nữ ấy mang ảnh em trai, cùng tấm bằng “Tổ quốc ghi công” sang nhà em dâu cũ, tôi đã sợ đến bủn rủn cả người. Tôi sợ người phụ nữ ấy sẽ dùng bức ảnh và tấm bằng “Tổ quốc ghi công” đó để sỉ vả mẹ, người vợ liệt sĩ không giữ tiết hạnh, đã gây ra nỗi nhục lớn cho gia đình mình, người vợ liệt sĩ đã khiến nỗi cô đơn của mẹ mình thêm nhức nhối. Và mẹ tôi sẽ ngồi cúi đầu nhẫn nhục. Mẹ không thể phản kháng. Mẹ đã sai quá rồi. Mẹ đã không hề đúng.

Nhưng tôi chỉ thấy mẹ ngồi bên cửa sổ, suốt một buổi chiều, mẹ ngồi bên cửa sổ, bức ảnh chú bộ đội trên tay, tấm bằng “Tổ quốc ghi công” trên tay. Mẹ ngồi bên cửa sổ suốt một buổi chiều.

Nhiều năm trôi qua. Mẹ tôi đã mất, với bức ảnh chú bộ đội đặt trên ngực gầy, hai cánh tay xiết chặt. Anh Hàm bảo sẽ táng bức ảnh đó theo mẹ. Nhưng người làng bảo không được, như thế là có tội với liệt sĩ. Anh ấy có quyền để lại một bức ảnh trên đời.

Mẹ tôi mất vào một ngày tháng tư. Nhiều năm sau, một dịp tôi về cùng anh Hàm giỗ mẹ. Tháng tư, một cơn mưa đầu mùa trút toai bời xuống trần gian, tôi nhớ ngày mẹ ôm bức ảnh chú bộ đội có đôi môi đỏ như son bên cửa sổ. Từ ấy, mẹ bảo anh em tôi gọi chú là bố.

Anh Hàm kéo sột soạt cái gì đó bọc trong túi nilon, giữa chừng, nghĩ sao lại không lấy ra nữa, mà đưa cho tôi nguyên một bọc. Chẳng đợi tôi hỏi, anh tung tung : “Nói thật. Ông ấy không phải bố tao, tao thờ làm gì. Mà tốt thì mang về mà thờ.”

Bức ảnh chú bộ đội có đôi môi đỏ như son đang nằm trong túi nilon kia, mà tôi không hề biết từ lúc nào anh Hàm đã dỡ xuống khỏi ban thờ.

...Và rồi tháng tư, và rồi những tháng tư...

Hơn hai mươi năm đã trôi qua, ngôi nhà của chị Lịch đã được người ta xây mới, mảnh vườn hoa huệ đỏ chẳng còn, nhưng kí ức của tôi mãi chỉ dừng lại ở đó, ở nơi hoa huệ đỏ, rực một màu tháng tư.

Tháng 4 – 2012
P.T.T

P.T.T

Tên thật: PHẠM THỊ THÚY

ĐT: 0983 950 263

Email: phamthanhthuyk12@gmail.com

Số CMND: 111 455 721

Công an tp Hà Nội cấp ngày: 10 tháng 12 năm 2009

Số TK: Ngân hàng Vietcombank- chi nhánh Thanh Xuân – Hà Nội:

0711 000 220 704

MST: 811 578 6271: